

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày: 08/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Ngô Thị Thanh

Bà: Lưu Thị Nhàn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn N**; Sinh năm: 1962. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Trình độ học vấn: 06/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Bá N, Đã chết Con bà: Tường Thị Đ, Đã chết. Có vợ thứ nhất: Đỗ Thị C, đã chết. Có vợ thứ hai: Đồng Thị M; Sinh năm 1967. Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1993.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Không

- Nhân thân: Ngày 29/3/2010 TAND huyện Nam Trực xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Ngày 25/9/1998 Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2020 đến ngày 19/10/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/10/2020, bị cáo một mình điều khiển xe máy BKS 18KA – 00444 chở 01 bao thóc đến nhà bà H để bán. Khi đến nơi, bị cáo thấy cửa nhà bà H không khóa, bị cáo kéo cửa rồi bê bao thóc vào trong nhà gọi bà H nhưng không thấy ai trả lời nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi đến vị trí chiếc tủ gỗ đựng tiền bán hàng nhà bà H, dùng tay mở ngăn kéo tủ nhưng không mở được do ngăn kéo tủ bị khóa. Bị cáo quan sát thấy trên mặt tủ có một chùm chìa khóa nên lấy để mở khóa tủ, đến chìa khóa thứ hai thì mở được khóa ngăn kéo tủ, bị cáo mở ngăn kéo tủ ra thấy bên trong có 01 buộc tiền gồm các tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng và 01 buộc tiền gồm các tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng, 10.000 đồng. Bị cáo lấy 02 buộc tiền cất giấu vào trong túi quần. Sau đó, bê bao thóc để lên xe máy rồi quay lại khép cửa đi về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo đếm lại toàn bộ số tiền lấy được là 8.730.000 đồng. Bị cáo lấy số tiền 730.000 đồng để tiêu xài cá nhân còn lại số tiền 8.000.000 đồng mang cất giấu dưới gầm chạn bát. Ngày 16/10/2020 nhận thức được hành vi vi phạm của bản thân, Nguyễn Văn N đã đến Công an huyện Nam Trực đầu thú và khai nhận về hành vi của mình. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực đã thu giữ ở gầm chạn bát nhà bị cáo số tiền 8.000.000 đồng bao gồm 38 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 50 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 85 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.000.000 đồng. Bà H đã nhận lại số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 68/CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn N từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường, vì vậy không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của bị hại, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật ngày 16/10/2020... Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 14/10/2020, lợi dụng sơ hở của gia đình bà Nguyễn Thị H, bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 8.730.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Công an huyện Nam Trực để đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà H đã nhận toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt Nguyễn Văn N 18(Mười tám)tháng tù. Thời hạn được tính kể từ ngày 16/10/2020.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000(Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

